

Số: 267/2025/QĐST-VHN&GD

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55; 57; 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2025/TLST- HNGĐ ngày 15/8/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Đỗ Đình N**, sinh năm 1973;

- **Chị Trần Thị Ánh N1**, sinh năm 1979;

Cùng ĐKKHKT và nơi ở: Tổ A phường H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B (Nay là phường G), thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số: 186). Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 có 01 (Một) con chung là Đỗ Đình N2, sinh ngày 23/9/2002. Con chung Đỗ Đình N2 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 thống nhất để anh Đỗ Đình N chịu cả 300.000 nghìn đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1.

- Về con chung: Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 có 01 (Một) con chung là Đỗ Đình N2, sinh ngày 23/09/2002. Con chung Đỗ Đình N2 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nhà ở: Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1 không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh Đỗ Đình N và chị Trần Thị Ánh N1: Để anh Đỗ Đình N chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Đỗ Đình N đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004369 ngày 15/8/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hà Nội. Anh Đỗ Đình N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội;
- Phòng THA dân sự Khu vực 1 - Hà Nội;
- Cơ quan nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hạnh